

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Kỹ thuật điện tử ứng dụng (228304) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Thị Mai Lan (280032)**

Số SV có mặt: 18  
Số bài thi: 18  
Số tờ giấy thi: 18

| Cán bộ coi thi 1      | Cán bộ coi thi 2                        | G.Viên chấm thi 1     | G.Viên chấm thi 2                       |
|-----------------------|-----------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------|
| <i>mai</i><br>NTM Lan | <i>Đào Thanh Sung</i><br>Đào Thanh Sung | <i>mai</i><br>NTM Lan | <i>Đào Thanh Sung</i><br>Đào Thanh Sung |

| STT | Mã SV      | Họ và Tên               | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV    | Đ.QT 40% | Đ.Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|-----|------------|-------------------------|------------|----------|-------|-------------|--------------|----------|-----------|---------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 1   | 2121050058 | PHẠM TIẾN CƯỜNG         | 21/01/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Cu</i>    | 7,0      | 8,0       | 7,6     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 2   | 2121050050 | NGUYỄN ANH DƯƠNG        | 27/06/2001 | CCQ2105B |       |             |              |          |           |         | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 3   | 2121050041 | NGUYỄN ĐỨC              | 20/04/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Đức</i>   | 8,0      | 6,0       | 6,8     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 4   | 2121050071 | PHAN MINH ĐỨC           | 27/05/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Đức</i>   | 9,0      | 8,5       | 8,7     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 5   | 2121050057 | HÒA NGỌC HẢI            | 22/02/2002 | CCQ2105B |       |             | <i>Hải</i>   | 6,5      | 5,0       | 5,6     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 6   | 2121050049 | ĐÀO TẤN HIỂN            | 27/09/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Hiển</i>  | 8,0      | 7,0       | 7,4     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 7   | 2121050078 | NGUYỄN TRUNG HIẾU       | 17/11/2002 | CCQ2105B |       |             | <i>Hiệu</i>  | 9,0      | 7,5       | 8,1     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 8   | 2121050074 | ĐỖ MẠNH HÙNG            | 08/04/2003 | CCQ2105B |       |             |              |          |           |         | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 9   | 2121050038 | NGUYỄN HOÀNG HY         | 13/07/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Hy</i>    | 9,0      | 9,0       | 9,0     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 10  | 2121050042 | HỨA HOÀNG KHANG         | 16/12/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Khang</i> | 9,5      | 9,5       | 9,5     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 11  | 2121050043 | CHÂU QUỐC KHÁNH         | 02/09/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Khánh</i> | 7,0      | 5,0       | 5,8     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 12  | 2121050061 | NGUYỄN HUỲNH ĐĂNG KHÁNH | 05/12/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Khánh</i> | 6,5      | 5,0       | 5,6     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 13  | 2121050062 | NGUYỄN TỰ LẬP           | 10/08/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Lập</i>   | 6,0      | 4,0       | 4,8     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 14  | 2121050056 | NGUYỄN HOÀI LINH        | 09/07/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Linh</i>  | 6,0      | 4,0       | 4,8     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 15  | 2121050047 | TRƯƠNG THÀNH LINH       | 27/05/2000 | CCQ2105B |       |             | <i>Linh</i>  | 7,0      | 5,0       | 5,8     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 16  | 2121050055 | NGUYỄN VĂN LƯU          | 19/04/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Lưu</i>   | 7,0      | 7,0       | 7,0     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 17  | 2121050051 | NGUYỄN GIA MÃN          | 30/10/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Mãn</i>   | 5,0      | 4,0       | 4,4     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 18  | 2121050065 | TRỊNH VĂN MINH          | 17/10/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Minh</i>  | 7,0      | 7,5       | 7,3     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 19  | 2121050076 | NGUYỄN HOÀI NAM         | 10/07/2003 | CCQ2105B |       |             | <i>Nam</i>   | 9,0      | 7,0       | 7,8     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 20  | 2121060026 | NGUYỄN XUÂN PHÚ         | 10/08/2003 | CCQ2106A |       |             | <i>Phú</i>   | 9,5      | 9,0       | 9,2     | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |